TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2021

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Bà Nguyễn Thị Bích

2.Ông Hoàng Văn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/5/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 61/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11/6/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đỗ Ngọc Đ, sinh năm: 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Lò, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1988 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã T, thành phố B tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động nước ngoài không có địa chỉ).

Địa chỉ cuối cùng của chị Nguyễn Thị H tại Việt Nam: Thôn L, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 23/3/2021, nguyên đơn anh Đỗ Ngọc Đ trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị H được tự do tìm hiểu trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/10/2013 tại UBND xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Sau một thời gian chung sống từ năm 2013 đến năm 2017 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xung đột với nhau, cuộc sống bế tắc và không hạnh phúc. Đến tháng 4/2017 chị H đi Đài Loan làm việc, sau khi đi được một thời gian vì con còn nhỏ nên vợ chồng vẫn liên lạc với nhau nhưng tình cảm không những không tốt lên mà còn tồi tệ hơn trước lúc ở nhà. Từ khoảng tháng 10/2017 đến nay vợ chồng không còn liên lạc và nói chuyện với nhau nữa. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

-Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị H có 01 con chung là cháu Đỗ Bảo T, sinh ngày 05/10/2014. Ly hôn anh không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

-Về tài sản chung, công nợ: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh Đ còn trình bày: Hiện nay chị H vẫn ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài anh không cung cấp được cho Tòa án được vì anh có hỏi địa chỉ của chị H nhưng chị H không cung địa chỉ ở nước ngoài cho anh, chị H vẫn liên lạc về gia đình nhưng bố mẹ đẻ chị H là ông Nguyễn Văn B và bà Quýnh Thị L; trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang cũng không cung cấp địa chỉ nên anh không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên anh không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh và chị H được, nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị Nguyễn Thị H.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H không có bản tự khai.

Ngày 12/4/2021 và ngày 28/4/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố đẻ của chị Nguyễn Thị H là ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1962; trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông B thông báo cho chị H biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Đỗ Ngọc Đ và chị Nguyễn Thị H; yêu cầu chị H viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu ông B cung cấp địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua hai lần làm việc

ông B vẫn giữ nguyên quan điểm là chị H ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng ông không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của chị H, đồng thời ông cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị H biết để chị H gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của chị H gửi về.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đỗ Ngọc Đ vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Nguyễn Thị H vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Đ; Biên bản làm việc với bố đẻ của chị H là ông Nguyễn Văn B và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn anh Đỗ Ngọc Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị Nguyễn Thị H không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị Nguyễn Thị H. Căn cứ vào quy định của pháp luật xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H là đúng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, 53, 56, khoản 2 điều 123, điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35; điểm c khoản 1 điều 37; khoản 4 điều 147; khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; 238; điều 271; điều 273; khoản 2 điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Ngọc Đ. Xử cho anh Đỗ Ngọc Đoàn được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Anh Đỗ Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Đỗ Ngọc Đ là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đỗ Ngọc Đ.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố đẻ của chị Nguyễn Thị H là ông Nguyễn Văn B để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông B thông báo cho chị H biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Đỗ Ngọc Đ với chị Nguyễn Thị H, yêu cầu ông B cung cấp địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài. Ông Nguyễn Văn B trình bày: Chị H vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà ông B vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của chị H cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị H biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị H theo thủ tục chung.

[2]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Đỗ Ngọc Đ là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thị H, chị H hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 7910/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 05/4/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì chị H xuất nhập cảnh 05 lần, lần xuất cảnh gần nhất là ngày 17/5/2017 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của chị H ở Việt Nam là: T, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Anh Đỗ Ngọc Đ và chị Nguyễn Thị H kết hôn ngày 08/10/2013 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Theo anh Đ trình bày: Sau một thời gian chung sống từ năm 2013 đến năm 2017 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xung đột với nhau, cuộc sống bế tắc và không hạnh phúc. Đến tháng 4/2017 chị H đi Đài Loan làm việc, sau khi đi được một thời vì con còn nhỏ nên vợ chồng vẫn liên lạc với nhau nhưng tình cảm không những không tốt lên mà còn tồi tệ hơn trước lúc ở nhà. Từ khoảng tháng 10/2017 đến nay vợ chồng không còn liên lạc và nói chuyện với nhau nữa. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Đỗ Ngọc Đ với chị Nguyễn Thị H. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh Đ và chị H chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn và sống không có hạnh phúc. Đến tháng 5 năm 2017 thì chị H đi nước ngoài lao động thì tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn quan tâm đến nhau, không liên lạc gì với

nhau từ tháng 10/2017. Như vậy tình cảm vợ chồng giữa anh Đ và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Ngọc Đ. Xử cho anh Đỗ Ngọc Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

[4]. Về nuôi con chung: Anh Đỗ Ngọc Đ và chị Nguyễn Thị H có 01 con chung là cháu Đỗ Bảo T, sinh ngày 05/10/2014. Hiện nay cháu Đỗ Bảo T đang ở với anh, do vậy anh không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về tài sản, công nợ: Anh Đỗ Ngọc Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Đỗ Ngọc Đ phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1.Về hôn nhân: Anh Đỗ Ngọc Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2.Về án phí: Anh Đỗ Ngọc Đ phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000004 ngày 06/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận Anh Đỗ Ngọc Đ đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3.Về quyền kháng cáo bản án: Anh Đỗ Ngọc Đ vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Nguyễn Thị H hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND xã T, thành phố B;
-Các đương sự;
-Cổng TTĐT Tòa án nhân dân;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền